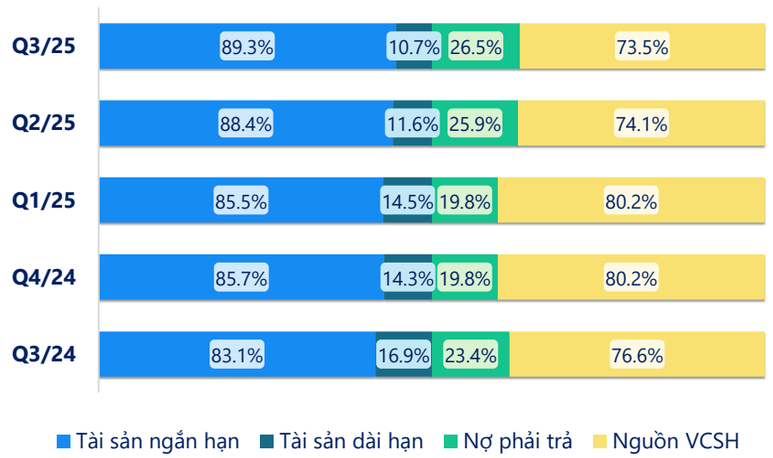
FireAnt

CTCP Phục vụ mặt đất Sài Gòn (HSX: SGN)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	64,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	98,143
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	60,558
SL cổ phiếu LH	33,498,591
KLGD BQ 20 phiên (CP)	18,810
% sở hữu nước ngoài	27.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,167
P/E	8.9
EPS	7,237

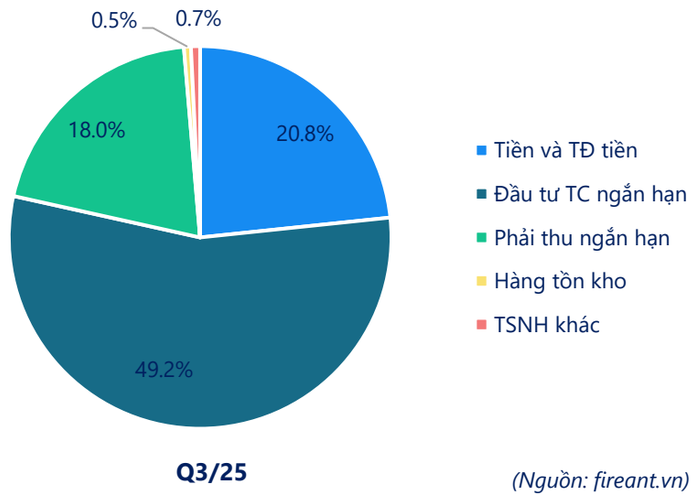
	YTD	1T	3T	6T
SGN	-20.5%	1.1%	2.9%	-19.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



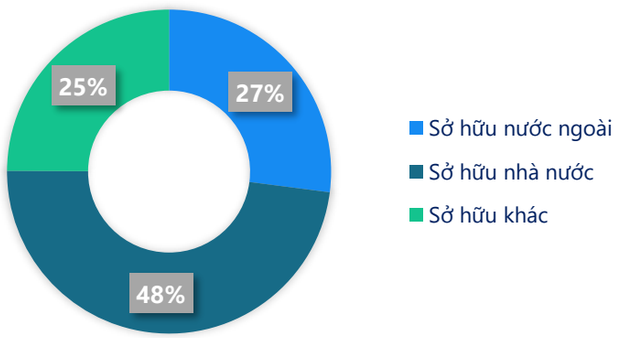
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



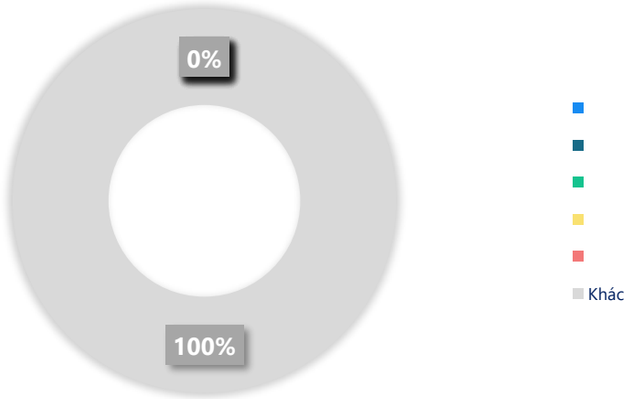
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



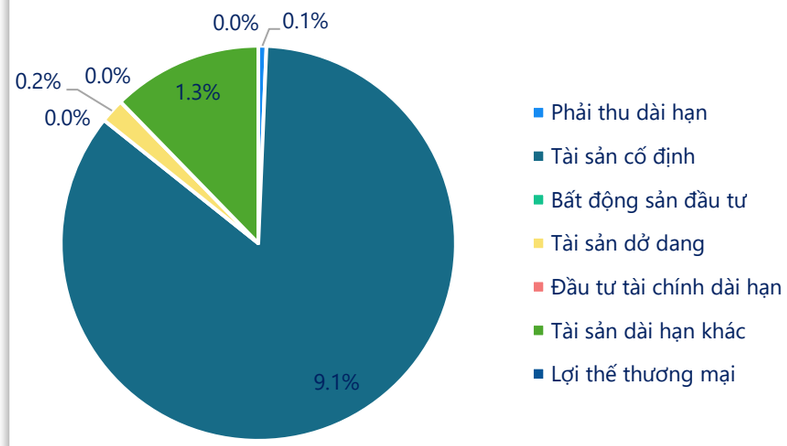
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

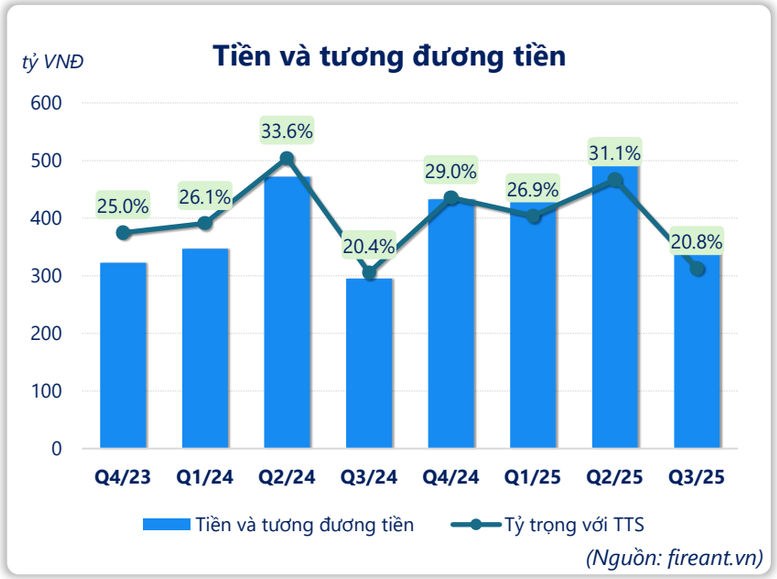
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



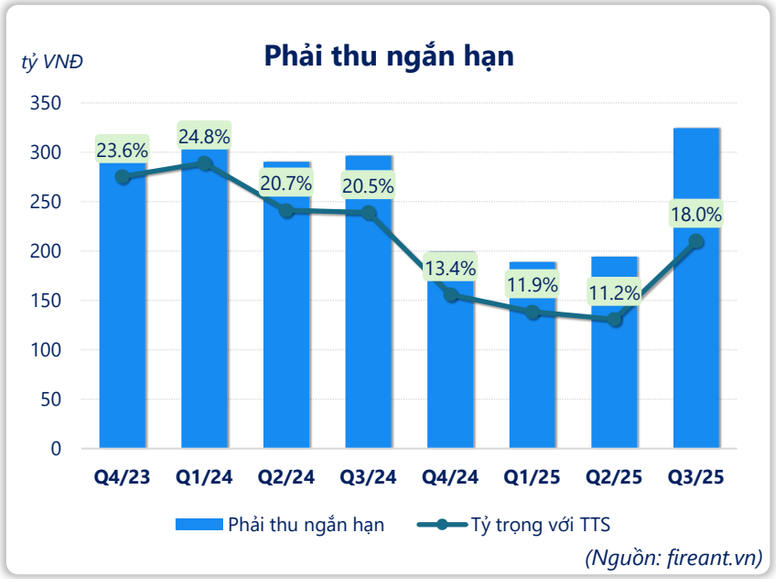
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

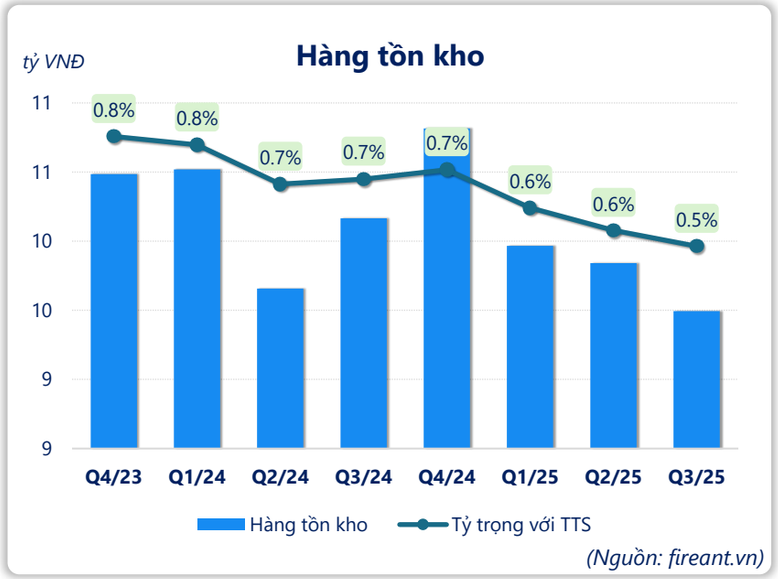
CTCP Phục vụ mặt đất Sài Gòn (HSX: SGN)



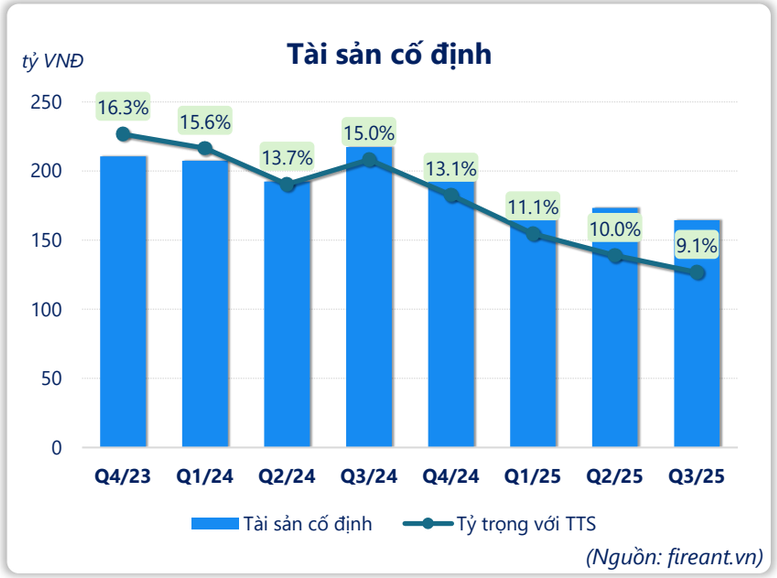
(Nguồn: fireant.vn)



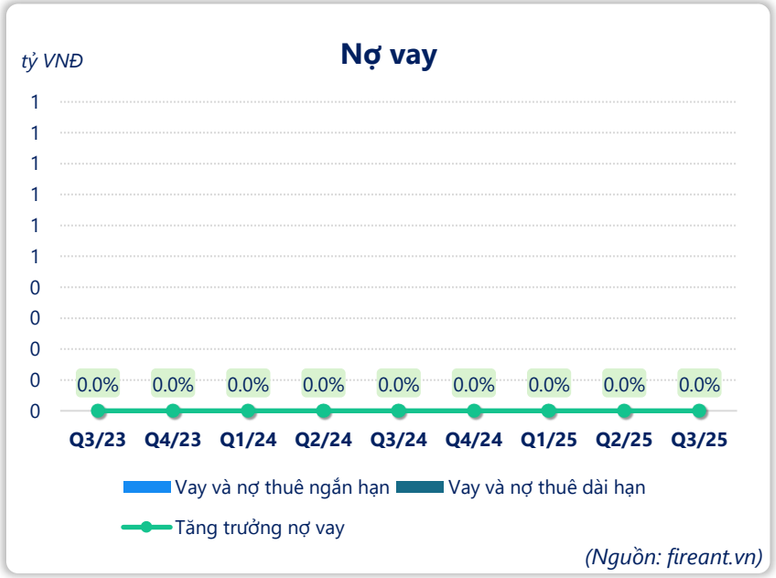
(Nguồn: fireant.vn)



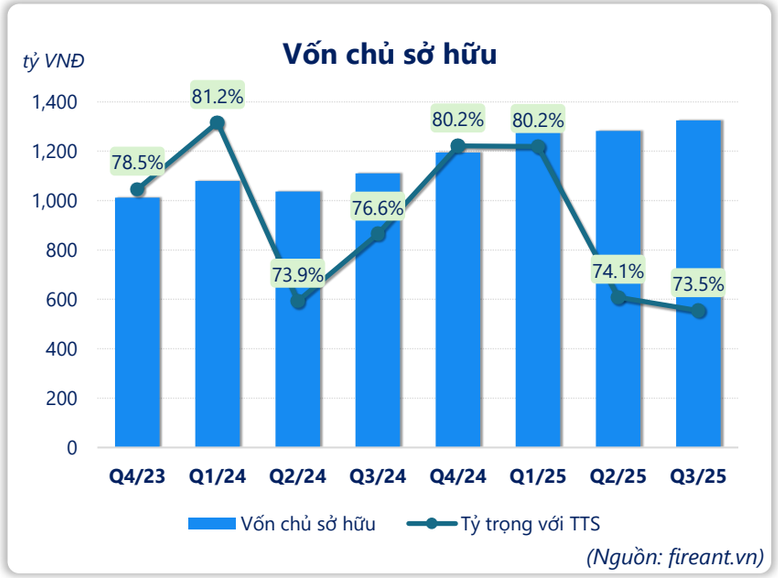
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



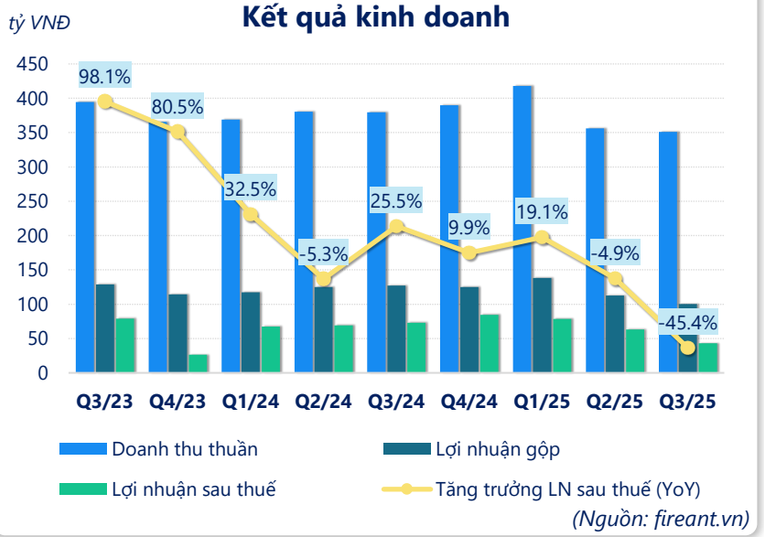
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

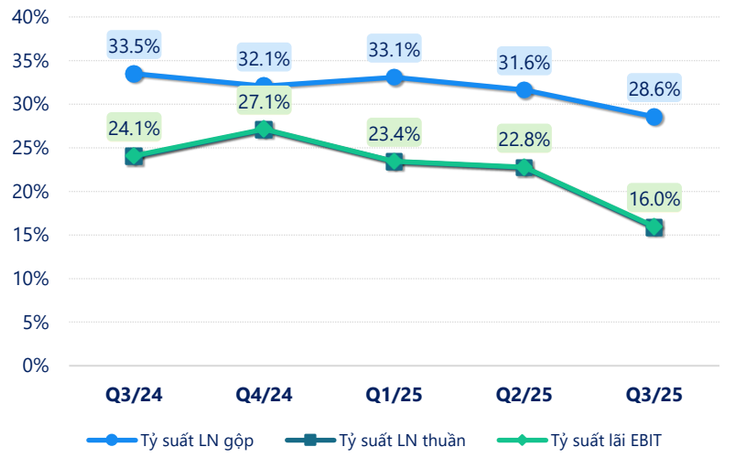
CTCP Phục vụ mặt đất Sài Gòn (HSX: SGN)

Kết quả kinh doanh



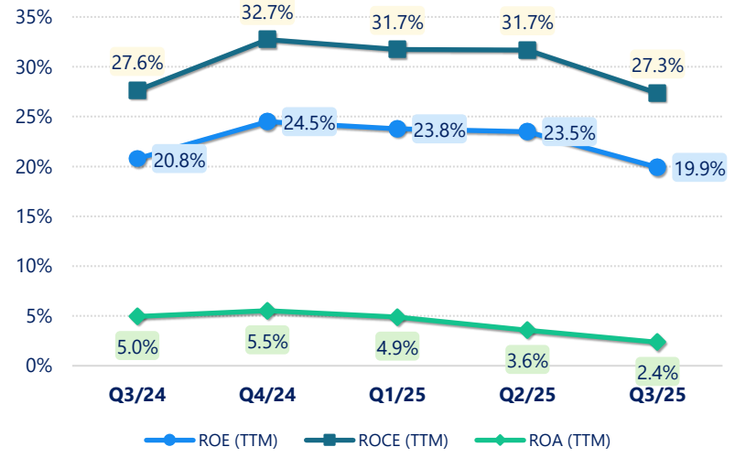
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



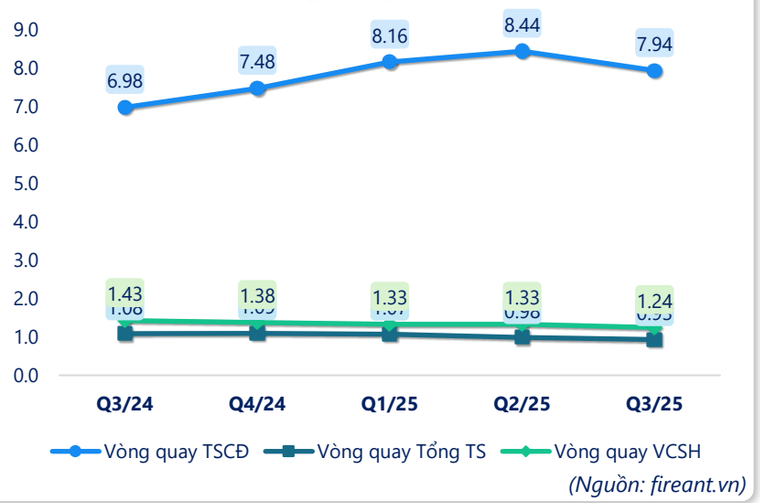
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



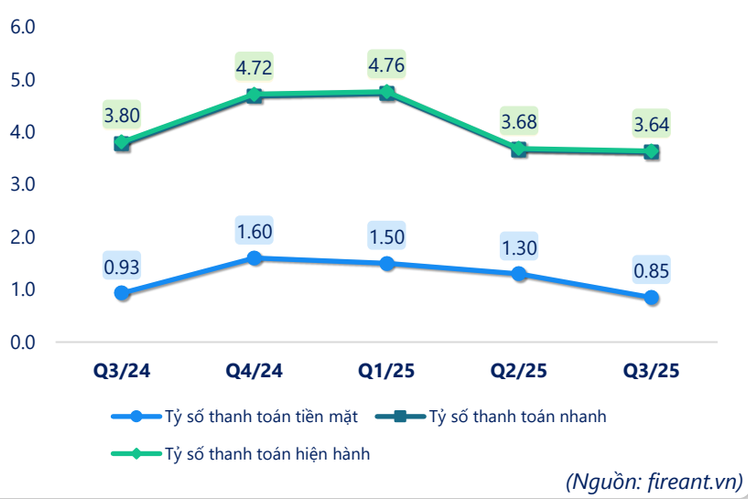
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



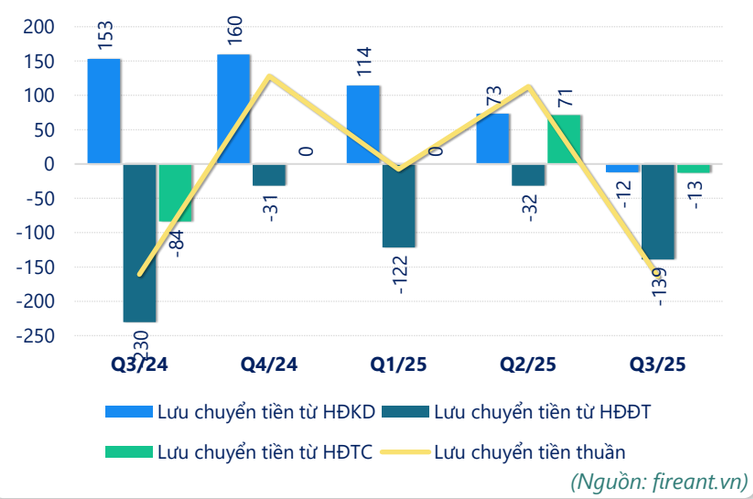
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Phục vụ mặt đất Sài Gòn (HSX: SGN)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,802**	**1,490**	**21.0%**
Tài sản ngắn hạn	1,609	1,246	29.1%
Tiền và tương đương tiền	376	432	-13.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	887	597	48.6%
Phải thu ngắn hạn	324	199	63.2%
Hàng tồn kho	9.49	10.8	-12.2%
Tài sản ngắn hạn khác	12.3	7.00	76.2%
Tài sản dài hạn	**193**	**243**	**-20.6%**
Phải thu dài hạn	1.28	30.4	-95.8%
Tài sản cố định	164	196	-16.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.85	0.84	356%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**23.7**	**16.5**	**43.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	477	293	62.6%
Nợ ngắn hạn	**443**	**269**	**64.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	10.7	45.5	-76.4%
Nợ dài hạn	34.2	24.2	41.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,326**	**1,196**	**10.8%**
Vốn chủ sở hữu	**1,326**	**1,196**	**10.8%**
Vốn điều lệ	336	336	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	380	390	418	356	351
Giá vốn hàng bán	252	265	280	243	251
Lợi nhuận gộp	127	125	138	113	100
Doanh thu HĐTC	15.3	20.6	11.5	18.9	17.8
Chi phí TC	18.0	0.70	1.11	0.39	0.84
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	33.4	39.3	50.8	50.3	61.5
LN thuần từ HĐKD	91.0	105	97.9	80.9	55.7
Lợi nhuận khác	0.36	0.24	0.07	0.17	0.33
LN trước thuế	91.4	106	98.0	81.0	56.0
Lợi nhuận sau thuế	73.0	84.5	78.3	63.3	43.2
LNST của CĐ cty mẹ	68.4	76.8	71.5	55.8	38.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	153	160	114	73.5	-11.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-230	-31.5	-122	-31.8	-139
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-83.8	0	0	71.3	-12.9
Tiền đầu kỳ	472	295	432	428	539
Lưu chuyển tiền thuần	**-161**	**128**	**-7.63**	**113**	**-164**
Ảnh hưởng tỷ giá	-16.0	9.45	3.45	-2.61	0.65
Tiền cuối kỳ	295	432	428	539	376

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic